

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2024/DS-PT
Ngày 18 – 7 – 2024
V/v tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Tiết T, sinh năm 1954 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Tiết T: Bà Trần Như N, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Quang L, sinh năm 1950 (Có mặt);

2. Ông Trần Tấn T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

3. Ông Trần Chí T2, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Quang L: Ông Tăng Tấn L1, là Luật sư Cộng tác viên Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Đặng Tiết T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Đặng Tiết T trình bày:

Ông có phần đất tại ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Vào năm 2002, ông L1 cùng các con là Trần Tấn T1, Trần Chí T2 ngang nhiên chiếm đất của ông và xỏ vuông từ năm 2002 đến năm 2005 nên ông bị thiệt hại với số tiền là 10.000.000 đồng (mỗi ngày thu nhập 10.000 đồng x 03 năm = 10.093.000 đồng, ông tính tròn 10.000.000 đồng). Ngoài ra, ông L1 còn lấy của ông 0 cây bạch đàn 10 năm tuổi, trị giá mỗi cây 200.000 đồng bằng 1.000.000 đồng; ông Tấn T1 và ông Chí T2 lấy của ông 100 cây cừ dá, mỗi trị giá bằng 1.500.000 đồng và 200.000 đồng tiền đắp đập. Ngày 17/01/2022, tại Toà án huyện Ngọc Hiển hoà giải, ông L1 đồng ý bồi thường cho ông số tiền 12.700.000 đồng nên ông đồng ý rút đơn khởi kiện. Ông L1 đưa trước cho ông 2.000.000 đồng, số tiền còn lại đến nay chưa bồi thường cho ông. Nay ông yêu cầu ông Trần Quang L, ông Trần Tấn T1, ông Trần Chí T2 bồi thường cho ông số tiền 10.700.000 đồng.

- Theo ông Trần Quang L trình bày:

Ông chưa từng đồng ý bồi thường số tiền 12.700.000 đồng cho ông T, chỉ là do ông T khởi kiện nhiều lần, thấy ông T hoàn cảnh khó khăn nên ông có đồng ý hỗ trợ cho ông T 2.000.000 đồng chứ không phải bồi thường. Việc con ông là Tấn T1, Chí T2 có lấy khoảng 20 – 30 cây cừ dá là có nhưng là do ông T tự ý cấm không cho con ông xỏ vuông và cây này là do ông T đốn trên đất của ông. Còn 05 cây bạch đàn ông T nói ông đốn là không có, ông có đốn 01 cây tràm bông vàng nhưng cây trên đất của ông, do bông tràm rụng ảnh hưởng nuôi tôm nên ông đốn bỏ, không liên quan đến ông T. Còn tiền 200.000 đồng tiền đắp đập là do Nhà nước đưa xáng vào đắp đập trên đất của ông T, ông có trả trước 200.000 đồng, sau đó Ban nhân dân ấp có nói ông T trả lại, ông nhận lại 200.000 đồng từ chính quyền ấp giao lại. Việc ông T cho rằng ông chiếm đất của ông T là không có, do sau này Ủy ban xã, Lâm trường vận động nên ông tự nguyện cắt phần đất biên lại cho ông T, ông T quản lý đất đó cho tới nay và đã được cấp sổ, ông không lấn chiếm đất nên không đồng ý yêu cầu bồi thường của ông T.

- Theo ông Trần Chí T2, ông Trần Tấn T1 trình bày:

Ông Trần Chí T2, ông Trần Tấn T1 đồng ý với ý kiến của ông Trần Quang L, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tiết T về việc yêu cầu ông Trần Quang L, ông Trần Chí T2, ông Trần Tấn T1 bồi thường thiệt hại số tiền 10.700.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/4/2024, ông Đặng Tiết T có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Tiết T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà N phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án, ông T1, ông L thừa nhận có đốn cây nhưng cho rằng đốn cây trên phần đất của mình; nhưng cây nằm trên phần đất ông T được cấp quyền sử dụng đất năm 2008. Khi hoà giải, ông L đồng ý bồi thường cho ông T số tiền số tiền 12.700.000 đồng; ông L đã bồi thường được 2.000.000 đồng, còn lại 10.700.000 đồng chưa bồi thường. Do đó, kháng cáo của ông T là có căn cứ; kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông T không có ý kiến tranh luận.

Luật sư L phát biểu: Trước đây phần đất là của ông Trần Chí T2, không phải là của ông T, không có căn cứ chứng minh từ năm 2002 đến 2005 là đất của ông T, không có căn cứ chứng minh các bị đơn lấn chiếm đất của ông T. Ông T không có căn cứ chứng minh thiệt hại từ năm 2002 đến 2005 số tiền là 10.000.000 đồng như ông T trình bày, nên ông T yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập 10.000.000 đồng là không có căn cứ. Các phần thiệt hại còn lại ông T yêu cầu nhưng không có căn cứ chứng minh thiệt hại nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền đắp đập 200.000 đồng, do ông L đã trả tiền thuê xáng đắp đập, nhưng con đập nằm trên phần đất của ông T sử dụng, nên ông T phải trả tiền lại cho ông L; yêu cầu của ông T buộc ông L trả lại 200.000 đồng tiền đắp đập là không phù hợp. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông L không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Tiết T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Đặng Tiết T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ông T yêu cầu ông Trần Quang L, ông Trần Chí T2, ông Trần Tấn T1 bồi thường thiệt hại tiền mất thu nhập là 10.000.000 đồng, tiền 05 cây bạch đàn 10 năm tuổi bằng 1.000.000 đồng; tiền 100 cây cừ đá, mấm bằng 1.500.000 đồng và 200.000 đồng tiền đắp đập, tổng cộng bằng 12.700.000 đồng. Ông T cho rằng ông L đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn lại 10.700.000 đồng. Xét thấy:

[1.1] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập số tiền 10.000.000 đồng mà ông T cho rằng do ông Trần Quang L, ông Trần Chí T2, ông Trần Tấn T1 chiếm đất trong 03 năm từ năm 2002 đến năm 2005: Qua xác minh, tại Công văn số 23 ngày 09/4/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên L2 xác định từ năm 2002 đến năm 2005, ông Đặng Tiết T và ông Trần Quang L không có tên trong hồ sơ quản lý đất đai của Công ty, việc xảy ra tranh chấp đất giữa ông T và ông L, Công ty cũng không nắm. Tại Công văn số 67 ngày 10/7/2023, Ủy ban nhân dân xã T cũng không xác định được và cũng không có hồ sơ cung cấp cho Tòa án. Theo tài liệu, chứng cứ ông T cung cấp thể hiện vào năm 2007 ông T có

đơn xin xác nhận nguồn gốc đất có diện tích 0,4ha; đến năm 2008 ông T được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 3.766m² tọa lạc tại ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Tại Biên bản làm việc với ông Huỳnh Văn Á, ông Á xác định vào năm 1993 ông có sang nhượng cho ông T 02 công đất tầm lớn (tương đương hơn 2.500m²). Như vậy, sau khi đối chiếu diện tích ông T sang nhượng của ông Á và phần đất ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét thấy trình bày của ông L về việc ông L tự nguyện cắt phần đất biên cho ông T là có cơ sở. Do đó, không có cơ sở cho rằng ông L, ông Tấn T1, ông Chí T2 chiếm đất của ông T, nên yêu cầu của ông T về việc buộc ông L, ông Tấn T1, ông Chí T2 bồi thường tiền mất thu nhập từ năm 2002 đến năm 2005 là không có căn cứ chấp nhận.

[1.2] Đối với yêu cầu bồi thường 05 cây bạch đàn 10 năm tuổi bằng 1.000.000 đồng và 100 cây cừ dá, mấm bằng 1.500.000 đồng: Ông L xác định khi xảy ra tranh chấp, con ông có nhỏ 20 cây cừ dá mang xuống võ máy để ra xã giải quyết, mọi người có nhìn thấy nhưng ông xác định cây này là do ông T đốn trên đất của gia đình ông và không có giá trị kinh tế. Qua làm việc xác minh các hộ dân và chính quyền địa phương ấp V, xã T đều xác định, trước đây hộ ông T và ông L có xảy ra tranh chấp ranh đất, có cự cãi nhưng việc đốn cây bạch đàn không xác định được, cũng không có việc ông L lấy 100 cây cừ dá của ông T. Tại Công văn số 149/CV-CAH ngày 21/11/2017 của Công an huyện N xác định: Năm 2003, giữa ông T và ông L xảy ra mâu thuẫn tranh chấp ranh đất, ông T lấy cừ da cắm không cho ông T2 xô vuông, cừ đốn trong vuông ông T2; ông T2 ngăn cản nên ông T cầm búa rượt chém ông T2 nên ông T2 cùng ông N1, ông N2 ôm ông T kéo xuống võ cùng 20 cây cừ dá chở xuống xã. Ông T yêu cầu ông L, ông Tấn T1 và ông Chí T2 bồi thường nhưng không chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[1.3] Đối với số tiền đắp đập 200.000 đồng ông T yêu cầu ông L trả lại: Do trước đây, khi đưa xáng vào đắp đập ông L đã trả tiền, nhưng con đập nằm trên phần đất mà ông T quản lý sử dụng nên ông T phải trả lại cho ông L số tiền mà ông L đã trả. Việc này cũng được bà Huỳnh Thị Bé H là vợ của ông T xác nhận. Do đó, yêu cầu của ông T về việc buộc ông L trả lại 200.000 đồng tiền đắp đập là không có căn cứ chấp nhận.

[1.4] Đối với trình bày của ông T cho rằng tại phiên hoà giải vào ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, ông L đồng ý bồi thường số tiền 12.700.000 đồng, ông L đã đưa được 2.000.000 đồng nên ông rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tại Biên bản hoà giải ngày 17/01/2022 không thể hiện việc ông L đồng ý bồi thường số tiền 12.700.000 đồng, mà chỉ có nội dung ông L đồng ý hỗ trợ cho ông T 2.000.000 đồng; đồng thời, tại đơn xin rút đơn khởi kiện của ông T ngày 17/01/2022 có nêu lý do rút đơn khởi kiện: “Tôi đã nhận được tiền hỗ trợ của ông L và anh T2”. Do đó, lời trình bày của ông T là không có căn cứ.

[2] Từ phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Tiết T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2024/DS-ST ngày 23 tháng 04 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Tiết T về việc yêu cầu ông Trần Quang L, ông Trần Chí T2, ông Trần Tấn T1 bồi thường cho ông T số tiền 10.700.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Đặng Tiết T được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập